

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mục tiêu

Sau khi học xong bài này người học có khả năng:

- Về kiến thức

- + *Giải thích được chức năng quản lý trong một tổ chức*
- + *Hiểu được mục tiêu của kế toán quản trị*
- + *Giải thích bản chất của kế toán quản trị là hệ thống thông tin phục vụ cho quyết định của nhà quản lý*
- + *Nêu các khác biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.*

- Về kỹ năng

- + *Phân biệt được các chức năng của nhà quản trị*
- + *Nhận biết, phân biệt rõ công việc của giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.*

- Về thái độ

- + *Tin tưởng, nhận thức được tầm quan trọng của bài học.*
- + *Tham gia tích cực trong quá trình học tập và nghiêm túc thực hiện các bài tập.*
- + *Có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào thực tế để hình thành những kỹ năng nghề nghiệp, hoàn thiện năng lực đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.*
- + *Chủ động xem trước bài học tiếp theo.*

NỘI DUNG

Khái quát về tổ chức, quản trị và chức năng của nhà quản trị

1.1.1 Khái niệm tổ chức

Tổ chức có thể xác định như một nhóm người liên kết với nhau để cùng thực hiện một số mục tiêu chung nào đó.

Các tổ chức thường tồn tại dưới các hình thức sau:

- Tổ chức kinh tế nhằm mục tiêu chính là kinh doanh có lợi nhuận như: doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài...
- Tổ chức phi chính phủ với mục tiêu chính là hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo.
- Tổ chức chính phủ có mục tiêu là phục vụ cộng đồng và sự an ninh, phát triển của xã hội như các bộ, các sở.

1.1.2 Hoạt động cơ bản của một tổ chức

Sự hình thành và phát triển của một tổ chức gắn liền với những hoạt động cơ bản sau:

- Xác định mục đích hoạt động của tổ chức.
- Xác định kế hoạch chiến lược là xác định các bước và phương pháp tiến hành để đạt được mục đích. Về cơ bản việc xác định kế hoạch chiến lược thường thể hiện qua hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Xác định những sản phẩm sản xuất, dịch vụ cung ứng cho thị trường, xã hội.

Giai đoạn 2: Xác định thị trường và phương thức thực hiện để đưa sản phẩm hoặc dịch vụ đến người tiêu dùng, xã hội.

Trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, hai giai đoạn này chính là hai giai đoạn thiết lập chiến lược sản xuất và chiến lược tiếp thị. Các loại chiến lược này tạo thành sức mạnh trong một tổ chức, cơ sở điều hành các hoạt động tổ chức và tiền đề xác định nhu cầu về thông tin kế toán.

1.1.3 Quản trị

Quản trị là một phương thức làm cho những hoạt động tiến tới mục tiêu của tổ chức được hoàn thành với hiệu quả cao:

$$\text{Hiệu quả} = \text{Kết quả} - \text{Chi phí}$$

Hiệu quả sẽ tăng trong các trường hợp:

- Tăng kết quả với chi phí không đổi, giảm chi phí mà vẫn giữ nguyên kết quả.
- Tăng kết quả với tốc độ cao hơn tốc độ tăng chi phí.

Muốn đạt kết quả như trên đòi hỏi phải biết cách quản trị, không biết cách quản trị cũng có thể đạt được kết quả nhưng hiệu quả sẽ đạt thấp. Trong hoạt động kinh doanh, người nào cũng luôn tìm cách giảm chi phí và tăng kết quả tức là luôn tìm cách tăng hiệu quả. Có thể nói rằng, lý do cần thiết của hoạt động quản trị chính là muốn có hiệu quả và chỉ khi nào người ta quan tâm đến hiệu quả thì người ta mới quan tâm đến hoạt động quản trị

1.2 Các chức năng của nhà quản trị

1.2.1 Chức năng hoạch định

Mọi hoạt động của doanh nghiệp đều được tiến hành theo các chương trình định trước trong các kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm và kế hoạch tác nghiệp để hoạt động đạt được mục tiêu. Việc xây dựng kế hoạch ở các doanh nghiệp là hết sức cần thiết từ nhiều phương diện:

- Là cơ sở định hướng cũng như chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh, phối hợp các chương trình hoạt động của các bộ phận liên quan.
- Là cơ sở kiểm soát các hoạt động kinh doanh, mọi chênh lệch giữa thực hiện so với kế hoạch đều biểu hiện những nguyên nhân hợp lý và bất hợp lý.
- Là cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp. Đây chính là cơ sở tăng cường trách nhiệm vật chất, thực hiện các phương pháp và điều hành của doanh nghiệp.

1.2.2 Chức năng tổ chức – điều hành

Tổ chức là quá trình xây dựng và phát triển một cơ cấu nguồn lực hợp lý, đồng thời tạo ra những điều kiện hoạt động cần thiết bảo đảm cho cơ cấu tổ chức được vận hành hiệu quả. Nhà quản trị có thực hiện tốt công việc tổ chức mới tạo nên một môi trường nội bộ thuận lợi cho mỗi cá nhân, mỗi bộ phận phát huy năng lực và sự nhiệt tình của mình, đóng góp tốt nhất vào việc hoàn thành vào mục tiêu chung của tổ chức.

Điều hành là một trong những chức năng chung của quản trị gắn liền với các hoạt động đôn đốc, động viên, giám sát của các công việc, đảm bảo các hoạt động trong tổ chức được thực hiện một cách nhịp nhàng, thúc đẩy các thành viên trong tổ chức hoạt động với hiệu quả cao nhất nhằm đạt mục tiêu của tổ chức.

1.2.3 Chức năng kiểm soát

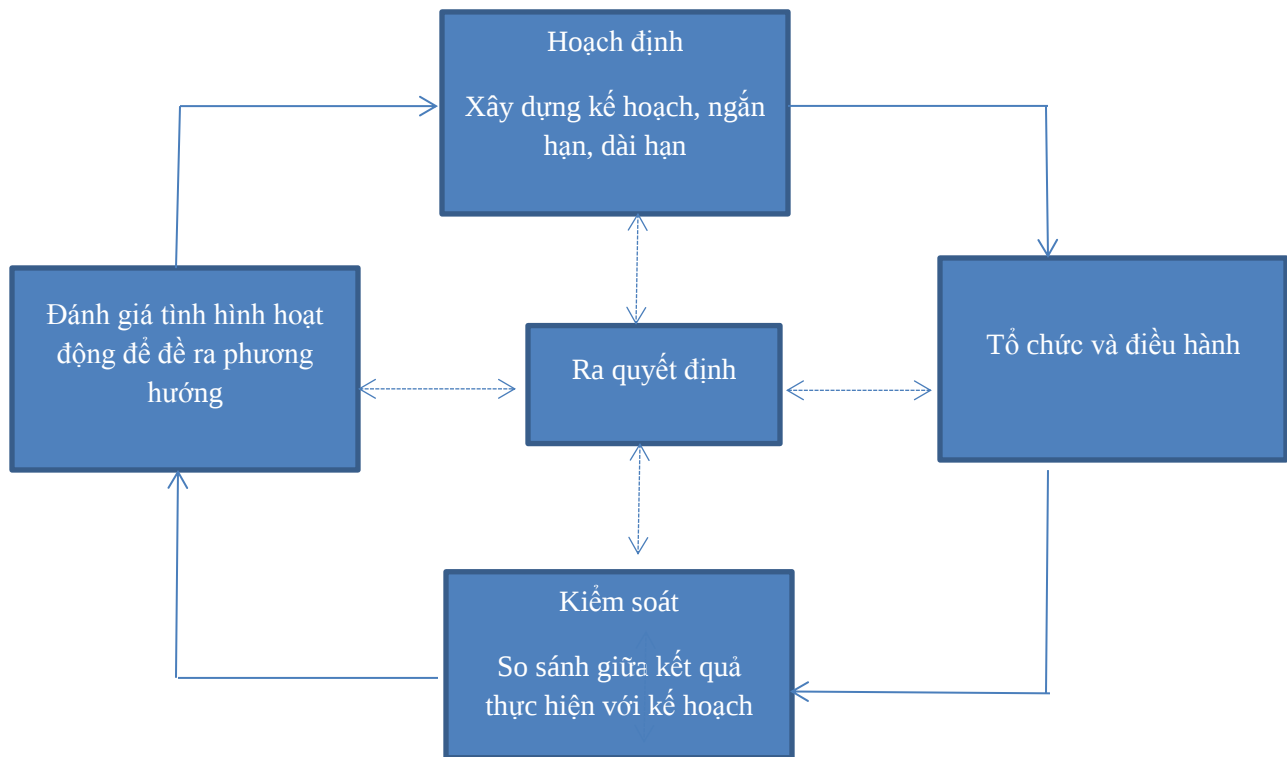
Kiểm soát là chức năng đảm bảo cho mọi hoạt động của tổ chức đi đúng mục tiêu.

Chức năng kiểm soát của nhà quản trị chính là việc so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch để kịp thời phát hiện ra những sai sót, khuyết điểm nhằm điều chỉnh, giúp các thành viên trong tổ chức hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện chức năng kiểm soát, nhà quản trị luôn tiếp xúc và ghi nhận thông tin phản hồi từ thực tiễn và kịp thời chuyển hóa chúng thành thông tin kế hoạch.

1.2.4 Chức năng ra quyết định

Ra quyết định là việc lựa chọn phương án thích hợp nhất. Có thể nội dung cơ bản của hoạt động quản trị là vấn đề ra quyết định.

Ra quyết định là khâu mấu chốt trong quá trình quản trị, bởi lẽ từ việc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày cho đến việc giải quyết các vấn đề mang tính chiến lược đều được tiến hành dựa trên những quyết định thích hợp. Chức năng này không thực hiện độc lập mà được thực hiện đồng thời với các chức năng khác của nhà quản trị.



Hình 1.1 Các chức năng của nhà quản trị

1.3 Kế toán quản trị và vai trò của kế toán quản trị

1.3.1 Kế toán quản trị

Kế toán là gì?

Theo công việc: Kế toán là công việc ghi chép, theo dõi, phản ánh những nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến sự thay đổi về tài sản, nguồn vốn và quá trình sản xuất kinh doanh (Kế toán quản trị - TS Phan Đức Dũng, 2007)

Kế toán quản trị là gì?

Lịch sử phát triển ngành kế toán chứng minh ở những giai đoạn cuối những năm 1980 đến nay, giai đoạn phát triển vượt bậc khoa học kỹ thuật, sự toàn cầu hóa kinh tế ngày càng nhanh chóng, sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa doanh nghiệp... kế toán không chỉ dừng lại ở việc cung cấp những thông tin thể hiện mối quan hệ vật chất- pháp

lý trong hoạt động của doanh nghiệp mà còn đòi hỏi thông tin phục vụ tốt hơn cho các công việc dự báo, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định, hình thành nên chuyên ngành kế toán quản trị

Theo Hiệp hội kế toán viên quản trị Hoa Kỳ: Kế toán quản trị là quá trình nhận diện, đo lường, tổng hợp, phân tích, soạn thảo, diễn giải, truyền đạt thông tin được nhà quản trị sử dụng để lập kế hoạch, đánh giá và kiểm tra trong nội bộ tổ chức và để đảm bảo việc sử dụng hợp lý và có trách nhiệm đối với các nguồn lực của tổ chức đó.

Ở Việt Nam, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 53/2006/TT-BTC, ngày 12/06/2006, quy định: Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán – (Theo Luật kế toán Việt Nam, Khoản 3, Điều 4).

Theo Thông tư này, kế toán quản trị nhằm cung cấp các thông tin về hoạt động nội bộ của doanh nghiệp, như:

- Chi phí của từng bộ phận, từng công việc, sản phẩm, phân tích đánh giá tình hình thực hiện với kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, quản lý tài sản, vật tư, công nợ, tiền vốn
- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng và lợi nhuận
- Lựa chọn thông tin thích hợp cho các quyết định đầu tư ngắn hạn và dài hạn
- Lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh... nhằm phục vụ việc điều hành, kiểm tra và ra quyết định kinh tế

Nguyên tắc tổ chức của hệ thống thông tin kế toán quản trị không bắt buộc phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc kế toán và có thể được thực hiện theo những quy định nội bộ của doanh nghiệp nhằm tạo lập hệ thống thông tin quản lý thích hợp theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được toàn quyền quyết định việc vận dụng các chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống sổ kế toán, vận dụng và chi tiết hóa các tài khoản kế toán, thiết kế các mẫu báo

cáo kế toán quản trị cần thiết phục vụ cho kế toán quản trị của đơn vị. Doanh nghiệp sử dụng mọi thông tin, số liệu của phần kế toán tài chính để đối phối hợp và phục vụ cho kế toán quản trị.

1.3.2 Vai trò của kế toán quản trị

Kế toán quản trị luôn đương đầu với những nhu cầu biến đổi trong quản lý:

- Kế toán quản trị phục vụ chức năng hoạch định: cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động của đơn vị, của đối thủ cạnh tranh, điều kiện thị trường, thị hiếu khách hàng và sáng kiến kỹ thuật...do đó thông tin của kế toán quản trị cung cấp rất quan trọng trong việc truyền đạt, hướng dẫn nhà quản trị xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn.
- Kế toán quản trị phục vụ chức năng tổ chức và điều hành: cung cấp thông tin cho việc xây dựng và phát triển một cơ cấu nguồn lực hợp lý cho doanh nghiệp và những thông tin phát sinh hằng ngày trong doanh nghiệp. Thông tin do kế toán quản trị cung cấp phải có tác dụng phản hồi về hiệu quả và chất lượng của các hoạt động đã và đang được thực hiện để giúp nhà quản trị có thể kịp thời điều chỉnh và tổ chức lại hoạt động của doanh nghiệp như thông tin về giá thành ước tính, thông tin về giá bán, thông tin lợi nhuận từ các phương án sản xuất kinh doanh...
- Kế toán quản trị phục vụ chức năng kiểm soát là cung cấp thông tin về tình hình thực tế, thông tin chênh lệch giữa thực tế với dự toán của từng bộ phận trong doanh nghiệp, giúp nhà quản trị kiểm soát được việc thực hiện các chỉ tiêu dự toán và đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong tương lai.
- Vai trò của kế toán quản trị phục vụ chức năng ra quyết định là thu thập, xử lý, cung cấp các thông tin liên quan đến các phương án kinh doanh nhằm chọn được phương án tối ưu. Thông tin kế toán quản trị cung cấp phải hỗ trợ cho nhà quản trị xác định các mục tiêu của tổ chức, đánh giá mục tiêu đó và có thể thực hiện được hay không. Đối với các quyết định tác nghiệp, kế toán quản trị cung cấp những

thông tin giúp nhà quản trị ra quyết định về sử dụng các nguồn lực của tổ chức và giám sát các nguồn lực đó đã và đang được sử dụng như thế nào.

1.4 So sánh giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính

Bản chất của kế toán tài chính là một chuyên ngành cung cấp các thông tin kinh tế tài chính gắn liền với trách nhiệm vật chất – pháp lý của một tổ chức

Kế toán quản trị là chuyên ngành kế toán cung cấp các thông tin kinh tế - tài chính gắn liền với quan hệ dự báo, đánh giá, kiểm soát và trách nhiệm trong việc điều hành tổ chức hàng ngày của nhà quản trị ở các bộ phận.

So sánh cụ thể như sau:

	KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Đối tượng sử dụng thông tin	Chủ yếu là các nhà quản trị bên trong doanh nghiệp	Những đối tượng bên ngoài doanh nghiệp
Đặc điểm thông tin	Hướng về tương lai	Phản ánh quá khứ
	Phong phú, linh hoạt theo yêu cầu, nhà quản trị	Cố định, tuân thủ nguyên tắc kế toán
	Biểu hiện thông tin qua ba loại thước đo.	Biểu hiện dưới thước đo giá trị
Yêu cầu thông tin	Đòi hỏi tính kịp thời cao hơn tính chính xác	Đòi hỏi tính chính xác cao
Phạm vi cung cấp thông tin	Từng bộ phận, toàn doanh nghiệp	Toàn doanh nghiệp
Các loại báo cáo	Báo cáo theo yêu cầu và mục đích của nhà quản trị	Báo cáo tài chính do nhà nước quy định
Kỳ hạn lập báo cáo	Thường xuyên	Định kỳ
Quan hệ với các ngành học khác	Quan hệ nhiều	Quan hệ ít

Tính bắt buộc	Không có tính bắt buộc	Có tính bắt buộc
Giống nhau	Cùng nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh, cùng sử dụng hệ thống ghi chép ban đầu và cùng thể hiện trách nhiệm của nhà quản trị	

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Ngày nay kế toán quản trị được xem là một chuyên môn độc lập cả về lý thuyết và thực tiễn. Kế toán quản trị là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thông tin của một tổ chức. Mục tiêu chủ yếu của kế toán quản trị: cung cấp thông tin cho nhà quản trị để lập kế hoạch và ra quyết định; trợ giúp nhà quản trị trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức; thúc đẩy các nhà quản trị đạt được các mục tiêu của tổ chức và đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản trị và các bộ phận trong tổ chức.

Kế toán quản trị khác với kế toán tài chính ở nhiều điểm: đối tượng sử dụng thông tin kế toán quản trị là các nhà quản trị bên trong doanh nghiệp. Kế toán quản trị không có tính pháp lệnh và không tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán. Tổ chức kế toán quản trị cũng xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của các doanh nghiệp và yêu cầu thông tin của nhà quản trị các cấp.

CÂU HỎI ÔN TẬP

TỰ LUẬN

Câu 1: Cho biết nguyên nhân dẫn đến sự phân chia hệ thống kế toán thành kế toán quản trị và kế toán tài chính?

Câu 2: Thông tin kế toán quản trị phục vụ như thế nào cho từng chức năng của nhà quản trị?

Câu 3: So sánh những điểm giống và khác nhau của kế toán tài chính và kế toán quản trị?

Câu 4: Nếu kế toán tài chính có 4 loại: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính, thì số lượng báo cáo của kế toán quản trị là bao nhiêu? Vì sao?

Câu 5: Có ý kiến cho rằng “thông tin kế toán quản trị phục vụ việc ra quyết định, nên thông tin này chủ yếu hướng về tương lai, do đó thông tin do kế toán quản trị cung cấp mang tính chủ quan cao, độ tin cậy kém hơn thông tin do kế toán tài chính cung cấp. Ý kiến của bạn ra sao?

Câu 6: Hãy cho biết những đặc điểm dưới đây mô tả lĩnh vực kế toán tài chính hay lĩnh vực kế toán quản trị? Giải thích câu trả lời

- a. Thông tin có định hướng tương lai
- b. Được sử dụng chủ yếu bởi những người bên ngoài tổ chức
- c. Luôn có sẵn trên mạng internet
- d. Người sử dụng có thể yêu cầu kế toán trưởng cung cấp thông tin
- e. Thông tin quá khứ

Câu 7: Trong những công việc sau đây, hãy cho biết từng công việc thuộc chức năng quản lý nào?

Công việc	Chức năng
1. Sẽ đẩy mạnh kênh bán hàng siêu thị để quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng	
2. Phải đạt mục tiêu doanh số bán mỗi năm 10 tỷ đồng trong 3 năm tới	
3. Theo dõi doanh thu theo từng thị trường từng tháng	
4. Năm nay sẽ mở rộng thị trường mà doanh số bán cao nhất trong năm qua	
5. Đối chiếu số liệu trên báo cáo thuế và sổ theo dõi bán hàng để đảm bảo doanh thu được ghi chép đầy đủ	

6. Khen thưởng cho nhân viên đạt doanh số bán cao nhất 1 chuyến đi Thái Lan vào năm sau.	
7. Lập dự toán bán hàng theo từng thị trường	

TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tổ chức là một nhóm người liên kết với nhau để?

- a. Thực hiện một công việc
- b. Thực hiện một mục tiêu chung nào đó
- c. Thực hiện mục tiêu lợi nhuận
- d. Thực hiện mục tiêu nhân đạo

Câu 2: Chức năng của quản trị?

- a. Lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra
- b. Lập kế hoạch, kiểm tra, ra quyết định
- c. Lập kế hoạch, tổ chức – điều hành, ra quyết định
- d. Lập tổ chức , tổ chức – điều hành, kiểm tra, ra quyết định

Câu 3. Chức năng của kế toán quản trị?

- a. Cung cấp thông tin để quản lý Nhà nước
- b. Cung cấp thông tin để quản trị DN
- c. Cung cấp thông tin chủ nợ, cho nhà đầu tư
- d. Cung cấp thông tin cho cơ quan thuế

Câu 4: Thông tin của kế toán quản trị?

- a. Chủ yếu cung cấp cho nhà đầu tư bên ngoài DN
- b. Cung cấp chủ yếu cho đối tượng bên trong và ngoài DN
- c. Chủ yếu cung cấp trong nội bộ DN
- d. Tất cả các câu trên đều sai

Câu 5: Kế toán quản trị được tổ chức?

- a. Thay đổi theo từng doanh nghiệp, từng tổ chức
- b. Theo một khuôn mẫu thống nhất giữa các doanh nghiệp
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 6: Sử dụng thông tin kế toán phục vụ cho yêu cầu ra quyết định tương lai là thông tin của?

- a. Kế toán tài chính
- b. Kế toán quản trị
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 7: Kế toán quản trị cung cấp thông tin?

- a. Chủ yếu cho bên ngoài doanh nghiệp
- b. Báo cáo theo định kỳ quy định bắt buộc
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 8: Thông tin ít chú trọng tính chính xác hơn, có thông tin phi tiền tệ được cung cấp cung cấp chủ yếu bởi hệ thống?

- a. Kế toán tài chính
- b. Kế toán quản trị
- c. Cả a và b đều đúng
- d. Cả a và b đều sai

Câu 9: Đặc điểm nào trong các đặc điểm dưới đây không là đặc điểm của hệ thống kế toán tài chính?

- a. Thông tin khách quan
- b. Báo cáo về các kết quả đã qua
- c. Các báo cáo hướng về tương lai
- d. Số liệu tổng hợp

Câu 10: Chức năng nào trong các chức năng dưới đây không là chức năng của hệ thống kế toán quản trị?

- a. Kiểm soát điều hành
- b. Tính chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
- c. Kiểm soát quản lý
- d. Báo cáo tình hình tài chính của đơn vị

Câu 11: Kế toán quản trị không thực hiện công việc nào sau đây?

- a. Thu nhập, các số liệu, tài liệu
- b. Đo lường, xử lý các số liệu tài liệu

c. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

d. Tổng hợp các số liệu, tài liệu

Câu 12. Kế toán quản trị thu nhập thông tin?

a. Toàn bộ từ kế toán tài chính

b. Các nguồn khác nhau ngoại trừ kế toán tài chính

c. Của kế toán tài chính và của các nguồn khác

d. Một cách độc lập với kế toán tài chính

Câu 13. Phát biểu nào dưới đây là Đúng?

a. Thông tin của kế toán quản trị trong hệ thống kế toán quản trị cung cấp không bao gồm các khoản chi phí phát sinh ở bộ phận điều hành

b. Kỳ báo cáo của kế toán quản trị thường là 1 năm

c. Các doanh nghiệp có nhiều sự lựa chọn khi thiết kế hệ thống kế toán quản trị của họ

d. Các chức năng của kế toán quản trị là kiểm soát điều hành, tính giá thành sản phẩm, kiểm soát quản lý và báo cáo cho bên ngoài.

Câu 14: Nhân viên kế toán quản trị cần phải am hiểu?

a. Kế toán tài chính

b. Các chức năng của nhà quản trị

c. Các kỹ thuật xử lý thông tin kế toán quản trị

d. Cả 3 đều đúng

Câu 15: Nội dung trên các báo cáo của kế toán quản trị?

a. Do bộ tài chính quy định

- b. Cung cấp thông tin về tình hình tài chính của tổ chức cho cổ đông
- c. Được thiết kế nhằm cung cấp thông tin của các nhà quản trị các cấp trong tổ chức
- d. Có tính khách quan vì chỉ phản ánh lại những sự kiện đã xảy ra trong kỳ báo cáo.

Câu 16: Mục tiêu của kế toán quản trị là?

- a. Cung cấp thông tin về tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp
- b. Xử lý các dữ liệu kế toán để cung cấp thông tin phục vụ cho các chức năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm soát và ra quyết định
- c. Cung cấp các thông tin theo yêu cầu của đối tượng sử dụng bên ngoài doanh nghiệp
- d. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 17: Thông tin do kế toán quản trị cung cấp có đặc điểm là?

- a. Chính xác, linh hoạt, có tính bắt buộc, hướng về tương lai
- b. Linh hoạt, không có tính bắt buộc, hướng về tương lai
- c. Chính xác, tuân thủ những nguyên tắc nhắc định, có tính bắt buộc, hướng về quá khứ
- d. Cả 3 câu trên đều sai

Câu 18. Điểm giống nhau giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính?

- a. Đối tượng cung cấp thông tin
- b. Thông tin phản ánh quá khứ
- c. Thông tin phải chính xác
- d. Có cùng đối tượng nghiên cứu là các sự kiện kinh tế diễn ra trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp